

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 15 - 01-2024
*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hui*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh;

Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành là Thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 489/2023/TLST-DS ngày 24/11/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-DS ngày 27/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1977

Địa chỉ: số A, P, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị H1, bà H2 có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 08/09/2023 bản tự khai bổ sung ngày 27/11/2023 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị H có tham*

gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Mỹ H2 làm đầu thảo. Cụ thể các dây hụi như sau:

1/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui vào ngày 05/09/2020 âm lịch và mãi vào ngày 05/08/2023 âm lịch, có tổng cộng 35 phần. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 27 kỳ, mỗi kỳ đóng là 2.000.000 đồng thành tiền là 54.000.000 đồng, đến kỳ thứ 28 khoản tháng 2 năm 2023 bà H2 tuyên bố bẻ hụi nên bà H ngưng đóng hụi. Như vậy bà H2 còn nợ lại 27 kỳ hụi, thành tiền là 54.000.000 đồng.

2/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui vào ngày 07/03/2022 âm lịch và mãi vào ngày 07/06/2025 âm lịch, có tổng cộng 39 phần, bà H tham gia 01 phần đóng được 11 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng, thành tiền là 22.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 2 năm 2023 thì chị H2 tuyên bố bẻ hụi. Dây hụi này bà H chưa có hốt. Trong dây hụi này danh sách hụi viên ghi tên bà H là “Chị tư Các” đây là tên gọi ở nhà của bà H.

3/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui vào ngày 17/10/2022 âm lịch và mãi vào ngày 17/12/2025 âm lịch, có tổng cộng 38 phần. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 04 kỳ, mỗi kỳ đóng 2.000.000 đồng, thành tiền là 8.000.000 đồng. Dây hụi này bà H chưa có hốt.

Tổng cộng 03 dây hụi bà H đã đóng được 54.000.000 đồng + 22.000.000 đồng + 8.000.000 đồng = 84.000.000 đồng. Trong các dây hụi nêu trên danh sách hụi viên ghi tên bà H là “Chị tư Các” đây là tên gọi ở nhà của bà H.

- Ngoài ra bà H2 có mượn tiền của bà H 38.000.000 đồng vào ngày 25/08/2022 âm lịch, chỉ thỏa thuận miệng không có viết giấy nợ, thời hạn trả khi nào cần thì bà H sẽ thông báo cho bà H2 biết. Sau khi bà H2 tuyên bố bẻ hụi bà H yêu cầu bà H2 trả luôn tiền mượn 38.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả, nay bà H yêu cầu trả số tiền mượn này.

Tổng cộng bà H yêu cầu H2 trả tiền hụi, tiền mượn là : 84.000.000 đồng + 38.000.000 đồng = 122.000.000 đồng. thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa chị H1 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mượn là 38.000.000 đồng vì số tiền này bà H2 đã trả xong, nên không yêu cầu giải quyết nữa.

Đối với phần tiền hụi bà H có xin thay đổi cụ thể như sau:

1/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui vào ngày 05/09/2020 âm lịch và mãi vào ngày 05/08/2023 âm lịch, có tổng cộng 35 phần. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 27 kỳ, mỗi kỳ đóng là 1.200.000 đồng thành tiền là 32.400.000 đồng.

2/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui vào ngày 07/03/2022 âm lịch và mãi vào ngày 07/06/2025 âm lịch, có tổng cộng 39 phần, bà H tham gia 01 phần đóng được 11 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 13.200.000 đồng

3/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng khui vào ngày 17/10/2022 âm lịch và mãn vào ngày 17/12/2025 âm lịch, có tổng cộng 38 phần. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 04 kỳ, mỗi kỳ đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 4.800.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi bà H chưa có hốt và đã đóng được 50.400.000 đồng, nay chỉ yêu cầu bà H2 trả số tiền hụi của 03 dây hụi là 50.400.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 15/12/2023 của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H2 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi 03 phần hụi của 03 dây hụi do bà làm đầu thảo, gồm các dây hụi như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui vào ngày 05/09/2020 âm lịch và mãn vào ngày 05/08/2023 âm lịch, dây hụi này có tổng cộng 35 phần, chị H tham gia 01 phần. Chị H đóng được 27 kỳ, mỗi kỳ đóng là 1.200.000 đồng, thành tiền là 32.400.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui vào ngày 07/03/2022 âm lịch và mãn vào ngày 07/06/2025 âm lịch, dây hụi này có tổng cộng 39 phần, bà H tham gia 01 phần, đóng được 11 kỳ, mỗi kỳ hụi sống đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 13.200.000 đồng.

- Dây hụi hụi 2.000.000 đồng/ tháng, khui vào ngày 17/10/2022 âm lịch và mãn vào ngày 17/12/2025 âm lịch, có tổng cộng 38 phần. Bà H tham gia 01 phần, đóng được 04 kỳ, mỗi kỳ hụi sống đóng 1.200.000 đồng, thành tiền là 4.800.000 đồng.

Cả 03 phần hụi trên bà H chưa có hốt, nhưng đến đầu tháng 1 năm 2023 bà H2 tuyên bố bế hụi. Nay bà H2 thừa nhận còn nợ lại bà H 03 phần hụi của 03 dây hụi là 50.400.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên, nếu bán được đất thì sẽ trả hết nợ sớm hơn vì hiện nay kinh tế gia đình khó khăn.

Đối với số tiền mượn 38.000.000 đồng bà đã trả xong cho bà H. Nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền mượn bà thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” được quy định tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trả số tiền mượn 38.000.000 đồng, vì số tiền này bà H2 đã trả xong. Nay chỉ yêu cầu trả lại vốn gốc tiền hội đã đóng của 03 phần, tổng cộng là 50.400.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về số tiền nợ hội, tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H2 thống nhất được với nhau về số tiền hội mà bà H2 còn nợ bà H đối với 3 phần của 03 dây hội là 50.400.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H1 yêu cầu bà H2 trả tổng số tiền nợ hội 50.400.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Bà H2 đồng ý trả 50.400.000 đồng cho bà H nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, khi nào bán được đất sẽ trả sớm hơn, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn. Xét thấy lời trình bày của bà H2 là không có cơ sở, bởi lẽ bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đồng thời chị H1 không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bà H2. Do đó cần phải buộc bà H2 phải trả số tiền hội 50.400.000 đồng cho bà H khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (50.400.000 đồng x 5%) là 2.520.000 đồng.

Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 5, Điều 244, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H2 trả số tiền mượn 38.000.000 đồng.

3/ Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H2 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền hui của ba dây hui là 50.400.000 đồng (năm mươi triệu bốn trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H2 phải chịu 1.512.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tạm ứng án phí, lệ phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên không phải hoàn lại án phí cho bà H.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6,7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

Trịnh Phan Minh Trâm